| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NÔNG CỐNG**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số **213**/2022/QĐST - HNGĐ | *N, ngày 27 tháng 12 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 320/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn C 2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bi đơn:* Anh Trần Văn N1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn C 2, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều: 51, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2022

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn N1.

**2**. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Văn N1.

2.2. Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn N1 công nhận vợ chồng có 2 con chung tên là Trần Thùy L, sinh ngày 14/5/2014 và Trần Linh N2, sinh ngày 22/01/2017. Chị T và anh N1 tự nguyện thỏa thuận giao cháu Trần Linh N2

cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Thùy L cho anh N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T, anh N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị T và anh Trần Văn N1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Văn N1 thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Trần Thị T chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007122 ngày 02 tháng 12 năm 2022. Trả lại cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- THADS huyện Nông Cống;
- VKSND huyện Nông Cống (02 bản để gửi VKSND tỉnh Thanh Hóa 01 bản);
- UBND. Xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
**(Đã ký)**

**Lê Xuân Tuyên**